

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn giữa ông P
và bà K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Võ Thị Trong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thái P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2019 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Thái P trình bày:

Ông và bà Lê Thị Hồng K chung sống với nhau vào năm 1999 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông P cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hồng K.

Trong quá trình chung sống ông và bà Lê Thị Hồng K không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông và bà K có với nhau hai người con

chung có tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005, hiện nay hai người con chung sống cùng với ông. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thái P chung sống với nhau vào năm 1999 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, có với nhau hai người con chung có tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005, hiện nay hai người con chung sống cùng với ông P.

Bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thái P vì bà còn thương chồng con, bà mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông P. Còn việc ông P nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà là do ông P chung sống với người phụ nữ khác, mặc dù người phụ nữ này đang có chồng con.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P thì bà đồng ý giao cho ông P nuôi dưỡng hai người con chung.

Trong quá trình chung sống bà và ông P không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người con chung có tên Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Khi ông P và bà K ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Thái P.

Người con chung có tên Nguyễn Tấn L trình bày: Khi ông P và bà K ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Thái P.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thái P trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thái P và nơi cư trú của bà Lê Thị Hồng K, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông Nguyễn Thái P và bà Lê Thị Hồng K chung sống với nhau vào năm 1999 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà K là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông Nguyễn Thái P và bà Lê Thị Hồng K nhưng không thành. Ông Nguyễn Thái P xác định ông không còn tình cảm với bà K, ông P giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với bà K, còn bà K xác định còn tình cảm với ông P nhưng bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông P. Bà K cho rằng ông P không chung thủy sống chung với người phụ nữ khác nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, còn ông P xác định lời trình bày của bà K chỉ đúng một phần, đó là việc ông có quen biết với người phụ nữ khác nhưng người phụ nữ này đã ly hôn và chỉ mới quen đang tìm hiểu nhau nên không đúng như bà K xác định. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà K đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà K là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông P về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung thấy rằng bà K cũng xác định: Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P thì bà đồng ý giao cho ông P nuôi dưỡng hai người con chung. Mặt khác, các người con chung có tên Nguyễn Thị Cẩm N, Nguyễn Tấn L cùng xác định: Khi ông P và bà K ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống cùng với cha cháu là ông Nguyễn Thái P. Hiện nay, các người con chung sinh sống cùng với ông P nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Do đó, giao cho ông P được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các người con chung có tên nêu trên là phù hợp. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom các người con chung; Vì lợi ích của người con chung, bà K, ông P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà K, ông P có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[4] Về nợ chung và tài sản chung: Bà K và ông P cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Thái P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được chuyển thu thành án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái P về việc xin ly hôn với bà Lê Thị Hồng K.

Ông Nguyễn Thái P được ly hôn với bà Lê Thị Hồng K.

Về con chung: Ông Nguyễn Thái P là người được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005, hiện ông Phong đang nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Hồng K được quyền thăm nom các người con chung có tên là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2001 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2005, ông P cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Bà K thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Vì lợi ích của người con chung, khi có căn cứ thì ông P, bà K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì ông P, bà K có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Ông Nguyễn Thái P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001164 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được chuyển thu thành án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền